**BÀI 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT**

**PHẦN 4. NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 9.10 TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Giới thiệu được những thông tin cơ bản về các tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình; so sánh hai tác phẩm dựa trên những tiêu chí cụ thể.

- Học sinh trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục, rõ ràng, phối hợp với các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật các nội dung thuyết trình.

**2. Về năng lực**

\* Nói

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã thực hiện trước đó để xây dựng nội dung bài thuyết trình.

- Biết thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục (riêng ở phương diện nội dung, phải giúp người nghe hiểu thêm về các tác phẩm truyện được đề cập, nhận ra ý nghĩa của việc so sánh và nắm được các nguyên tắc, thao tác so sánh cần tuân thủ, vận dụng).

\* Nghe: Biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích trong việc xác định mục đích so sánh; chọn đối tượng để so sánh; chọn phương diện cần tập trung so sánh; chọn dẫn chứng tiêu biểu, sáng rõ để làm sáng tỏ các luận điểm so sánh, đánh giá; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

**3. Về phẩm chất**

- Tôn trọng người đối thoại, lắng nghe tích cực.

- Tự tin thể hiện bản thân, có sắc thái, cảm xúc, giọng điệu khi tranh luận phù hợp

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi  <https://youtu.be/U56AQVXiVHY>  - Đoạn video nói về điều gì, có liên quan gì đến nội dung bài viết?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 2 – 3 HS trả lời.  HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.  Ở tiết trước cô trò chúng ta đã hoàn thành dàn ý cho đề bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm của nhà văn Nam Cao là “ Lão Hạc” và “Chí Phèo”. Các em cũng vừa được xem cuộc thảo luận của các bạn trong video về những điểm tương đồng và khác biệt về cảnh ngộ của Chí Phèo và Lão Hạc. Vậy các em có ý kiến so sánh, đánh giá về hai tác phẩm này ra sao, hãy thể hiện trong buổi học ngày hôm nay nhé! | - Đoạn video đã thực hiện so sánh điểm tương đồng và khác biệt về cảnh ngộ của Chí Phèo và Lão Hạc |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

**b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I . CHUẨN BỊ NÓI**  **\*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  Muốn trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? (Đọc mục Yêu cầu SGK tr.34)  **Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo  HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị nói**  **Bước 1.** GV nêu những lưu ý trong việc lựa chọn đề tài và nhắc lại đề tài bài nói đã giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà: So sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và truyện *Lão Hạc* của Nam Cao.  **Bước 2.**  - GV đưa ra gợi ý về việc sắp xếp các ý trong bài nói, yêu cầu HS:  **-** Xem lạidàn ý bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và truyện *Lão Hạc* của Nam Cao. (Hs đã chuẩn bị ở nhà)  **- HS thực hiện nhiệm vụ:** xem lại bài đã chuẩn bị.  **Nhiệm vụ 3: Thực hành nói**  **Bước 1:**  **-** GV nhắc lại yêu cầu của bài nói  **Bước 2.** **GV giao nhiệm vụ**  Gv cho hs thực hành nói  - Gv nhắc lại yêu cầu của tiết trước: Chia lớp thành 4 nhóm, nhiệm vụ: Trình bày điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm *Lão Hạc* và *Chí Phèo* của Nam Cao*.* Sản phẩm bao gồm 1 bài powerpoint để thuyết trình và 1 bản word nộp lại cho giáo viên, ghi rõ tên các thành viên của nhóm.)  - Gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các thành viên khác của nhóm và các nhóm còn lại lắng nghe, quan sát, ghi chép và điền vào bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình cho (theo mẫu). Mỗi nhóm có 5 phút trình bày.  **Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các nhiệm vụ được giao  **Bước 4: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * Hs báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm   **Bước 5: Kết luận, nhận xét**  Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  **Nhiệm vụ 4: Trao đổi và đánh giá**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn  - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các nhiệm vụ được giao  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Hs báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của HS.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI** | | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | | 1 | Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không? |  | | | 2 | Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không? |  | | | 3 | Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không? |  | | | 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không? |  | | | 5 | Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không? |  | | | **PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI** | | | | | **STT** | **Tiêu chí** | | **Nhận xét** | | 1 | Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa? | |  | | 2 | Có tích cực ghi chép không? | |  | | 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không? | |  | | 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa? | |  | | **I. Yêu cầu của kiểu bài** **trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện**  - Nêu tên hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh, đánh giá và nói rõ lí do chọn hai tác phẩm này.  - Xác định rõ cơ sở so sánh và phạm vi các phương diện cần so sánh ở hai tác phẩm truyện. Nêu cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.  - Trình bày một số kết quả so sánh, đánh giá nổi bật (có phân tích các dẫn chứng tiêu biểu). - Khái quát được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.  **II. Chuẩn bị nói**  **1. Lựa chọn đề tài**  **-** Đề tài của bài nói có thể là đề tài của bài viết đã được thực hiện trước đó. Nếu vậy, cần điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của bài nghe và phù hợp với hoạt động nói và nghe.  - Nên chọn so sánh những tác phẩm quen thuộc để đạt hiệu quả tương tác với người nghe.  Sử dụng bài thực hành viết từ tiết trước:  **-** Đề tài bài nói**:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và truyện *Lão Hạc* của Nam Cao.  **b. Tìm ý và sắp xếp ý ( sử dụng bài viết)**  - Giới thiệu hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và *Lão Hạc* của Nam Cao  - Nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.  - Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,…  - Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau: Bối cảnh, Nhân vật, Cảm hứng sáng tác, Nghệ thuật trần thuật  - Nguyên nhân của điểm tương đồng và khác biệt  - Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.  **II. THỰC HÀNH NÓI**  **1. Yêu cầu bài nói**  Bài nói cần tuân thủ dàn ý đã chuẩn bị theo kết cấu ba phần: Mở bài, triển khai, kết luận  - Mở đầu: Nêu tên tác phẩm được so sánh, đánh giá và lý do chọn phẩm đó.  - Triển khai: So sánh, đánh giá được điểm giống và khác nhau của hai tác phẩm ở một số phương diện; chỉ ra được ý nghĩa của việc so sánh hai tác phẩm.  - Kết luận: Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của 2 tác phẩm.  Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm (đã chuẩn bị ở nhà)  **2. So sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và truyện *Lão Hạc* của Nam Cao.**  **3. Trao đổi, đánh giá**  **1. Trao đổi**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | Làm rõ những điều người nghe muốn biết thêm về tác phẩm. | Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu. Nêu những điều muốn biết thêm về tác phẩm. | | Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe. | Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói. | | Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành. | Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực. |   **b. Đánh giá**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không? |  | | 2 | Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không? |  | | 3 | Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không? |  | | 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không? |  | | 5 | Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không? |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa? |  | | 2 | Có tích cực ghi chép không? |  | | 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không? |  | | 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa? |  | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết lắng nghe và trao đổi.

**b. Nội dung**: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuẩn bị nói và nghe**  **Đối với người nói**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  Đối với người nói, trả lời những câu hỏi sau trước khi trình bày:  - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì?  - Người nghe là ai?  - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói?  - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?  - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.  **Đối với người nghe**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  - HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.  **Thực hành nói và nghe**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình cho bạn (theo mẫu)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các nhiệm vụ được giao  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về bài thuyết trình  **Bước 4: Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **-** HS đánh giá phần thuyết trình của nhóm bạn và phần lắng nghe của bản thân thông qua bảng kiểm  - GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của HS | Bài nói tham khảo:  Chào thầy cô và các bạn!  Em xin tự giới thiệu, em tên là.... đại diện nhóm .... xin trình bày bài nói với chủ đề: So sánh, đánh giá hai truyện ngắn *Lão Hạc* và *Chí Phèo* của Nam Cao.  Thầy cô và các bạn đều biết, Nam Cao là một nhà văn lớn của Văn học Việt Nam hiện đại. Một trong những chủ đề lớn trong sáng tác của ông trước cách mạng là chủ đề viết về người nông dân.  Trong đó hai tác phẩm *Lão Hạc* và *Chí Phèo* là hai tác phẩm lớn và tiêu biểu của chủ đề này.  Mặc dù, cùng viết về đề tài người nông dân, nhưng hai tác phẩm vẫn có những điểm khác biệt. Trong phần trình bày này, chúng em xin làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt của hai truyện từ đề tài, nhân vật, nghệ thuật kể chuyện, ….từ đó để đánh giá thành công và đóng góp của tác giả ở đề tài nông thôn và người nông dân.  **Triển khai:**  - **Thông tin chung về từng tác phẩm**:  + Chí Phèo:  . Hoàn cảnh ra đời: Chí Phèo là một truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Nam Cao viết vào tháng 2 năm 1941. Lúc đầu truyện có tên là Cái lò gạch cũ; khi in sách lần đầu, nhà xuất bản đổi tên là Đôi lứa xứng đôi. Sau khi in lại trong tập Luống cày, tác giả đặt tên là Chí Phèo.  . Cốt truyện: Truyện ngắn Chí Phèo là câu chuyện về nhân vật cùng tên Chí Phèo – một đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi trong một cái lò gạch cũ. Hắn được người làng chuyền tay nhau nuôi. Lớn lên, Chí Phèo đi ở hết nhà này tới nhà nọ và làm canh điền cho Lý Kiến. Vì ghen tuông vô lí, Lý Kiến đẩy Chí Phèo vào tù. Bảy năm sau Chí Phèo trở về làng trong một bộ dạng khác hẳn của một tay anh chị. Hắn bị Bá Kiến lợi dụng và biến thành tay sai. Hắn trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, chuyên rạch mặt ăn vạ và gây tai họa cho người trong làng. Mối tình với Thị Nở đã làm Chí Phèo hồi sinh, hắn khao khát làm hòa với mọi người và sống lương thiện. Nhưng bà cô Thị Nở và cái xã hội đương thời đã chặn đứng con đường trở về làm người lương thiện của Chí . Tuyệt vọng, hắn tìm giết Bá Kiến và tự sát. Nghe tin Chí Phèo chết, Thị Nở nhìn xuống bụng và thầm nghĩ đến một cái lò gạch bỏ không, xa đường cái và vắng người qua lại.  + Truyện ngắn Lão Hạc:  . Hoàn cảnh sáng tác: Lão Hạc là một truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về người nông dân ở xã hội phong kiến cũ, đăng báo lần đầu năm 1943  . Tóm tắt: Lão Hạc là một người nông dân nghèo, sống cùng một con chó gọi là cậu Vàng. Lão có một người con trai nhưng vì nghèo không có tiền lấy vợ nên đã bỏ đi làm đồn điền cao su. Một mình lão phải tự lo liệu mưu sinh. Sau trận ốm thập tử nhất sinh, nhà lão không còn gì nữa, lão đành phải bán cậu Vàng - con chó mà lão hết mực thương yêu như con trai mình. Lão mang hết số tiền bán chó và dành dụm được từ việc bán mảnh vườn gửi nhờ ông Giáo. Mấy hôm sau lão kiếm được gù ăn nấy. Một hôm lão xin Binh Tư ít bả chó nói dối là đánh bả con chó hay sang vườn để giết thịt ăn nhưng thực ra là để tự tử. Cái chết của lão Hạc dữ dội, vật vã, chẳng ai hiểu vì sao lão chết ngoại trừ ông Giáo và Binh Tư.  **- Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau:**  + Bối cảnh: Cả hai truyện đều lấy bối cảnh nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.  + Nhân vật: Nhân vật Lão Hạc và Chí Phèo đều là những người nông dân nghèo ở nông thôn Việt Nam dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Họ bị đẩy vào con đường cùng, số phận bất hạnh và có kết cục bi thảm  + Cảm hứng sáng tác: Cả hai tác phẩm đều phê phán hiện thực xã hội. Thương xót cho số phận người nông dân trong xã hội cũ, phát hiện, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp, tin tưởngvào bản chất lương thiện của họ và đòi quyền sống cho người nông dân.  + Nghệ thuật trần thuật: Tổ chức mạch truyện tự nhiên, phóng khoáng, theo dòng tâm lý; lối trần thuật hướng nội; người kể chuyện sử dụng kết hợp nhiều điểm nhìn, đặc biệt sử dụng nhiều điểm nhìn bên trong, nương theo ý thức của nhân vật; nhân vật chính được miêu tả từ nhiều điểm nhìn trần thuật, được chú ý nhiều đến đời sống tâm lí; ngôn ngữ sống động, giọng điệu đa thanh  - **Sự khác biệt giữa hai truyện:**  **Bên cạnh những điểm tương đồng, hai truyện ngắn có những điểm khác biệt:**  + Nhân vật Chí Phèo có cuộc đời khốn cùng nhiều hơn lão Hạc; có diễn biến tâm lí, tính cách phong phú, phức tạp. Có những lúc nhân vật bị biến thành quỷ dữ. Còn Lão Hạc thì tính cách thống nhất từ đầu đến cuối tác phẩm- lương thiện.  + Truyện Chí Phèo có kết cấu đan cài phức tạp hơn kết cấu truyện Lão Hạc.  + Trong truyện Chí Phèo, nhân vật bị đặt trong sự lựa chọn chấp nhận cái chết để giữ gìn nhân tính, không chấp nhận cuộc sống “quỹ dữ”. Còn trong truyện Lão Hạc, nhân vật Lão Hạc bị đặt vào tình huống lựa chọn cái chết để giữ lại mảnh vườn cho con  **- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.**  + Cả hai tác phẩm đều viết về số phận người nông dân trước CMT8. Cả Lão Hạc và Chí Phèo đều là những điển hình của văn học hiện thực Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi người nông dân trong mỗi tác phẩm lại có số phận riêng, có bi kịch khác biệt.  + Với ngòi bút nhân văn, tài năng viết truyện bậc thầy, phong cách nghệ thuật độc đáo của Nam Cao  **- Kết bài:**Với những đặc sắc riêng của mình, truyện ngắn *Lão Hạc* và *Chí Phèo* cũng nhưnhiều tác phẩm viết về người nông dân khác, Nam Cao đãmột lần nữa khẳng định tên tuổi của mình trên văn đàn cũng như có đóng góp lớn trong những áng văn viết về người nông dân trước Cách mạng.  Bài thuyết trình của nhóm em đến đây là hết. Xin được cảm ơn sự lắng nghe của thầy cô giáo. Rất mong sự đóng góp ý kiến của thầy/cô và các bạn, để sản phẩm của nhóm em hoàn chỉnh hơn. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

**b. Nội dung:** Hãy so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện em đã đọc hoặc đã học (chuẩn bị ở nhà theo nhóm, chia lớp thành 4 nhóm; thời gian video: không quá 5 phút; thời gian nộp: sau 1 tuần, nộp qua zalo cho giáo viên)

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của HS (thể quay video clip không quá 5 phút)

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp sản phẩm đúng hạn.  Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  Bước 3 – 4. GV chấm điểm video của học sinh, có phản hồi, nhận xét. | Video của học sinh:  - Đúng thời gian nộp: sau 1 tuần  - Đúng yêu cầu của đề bài  - Video không quá 5 phút |

**4. Củng cố:** GV giao bài tập về nhà

**Câu 1.** Bài học đã bổ sung cho hiểu biết của bạn về truyện nói chung và tiểu thuyết hiện đại nói riêng như thế nào?

**Câu 2.** Nêu nhận thức của bạn về khả năng lớn lao của tiểu thuyết trong việc thể hiện bức tranh đời sống và khám phá những bí mật của con người cá nhân.

**Câu 3.** Hai văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* và *Nỗi buồn chiến tranh* cho thấy điều gì về những hướng tìm tòi, phát triển của tiểu thuyết hiện đại?

**Câu 4.** Khi tiến hành so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, cần phải đảm bảo được những nguyên tắc gì? Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm văn học (trong đó có tác phẩm truyện) dựa trên sự so sánh?

**5. HDVN**

- HS xem lại toàn bộ nội dung bài học

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có kỹ năng khi tiếp cận các tác phẩm truyện ngắn hiện đại ngoài chương trình.

**THỰC HÀNH ĐỌC TRÊN XUỒNG CỨU NẠN (CHƯƠNG 78)**

**(*Trích* Cuộc đời của Pi)**

**- Yann Martel –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Củng cố tri thức về tiểu thuyết.

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản tiểu thuyết.

- Hs biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học qua thực hành đọc văn bản mới

**2. Về năng lực**

- Củng cố tri thức về tiểu thuyết.

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản tiểu thuyết.

- Hs biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học qua văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành đọc.

- HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đọc chính trong bài 1.

**3. Về phẩm chất:** Có thái độ phê phán tình trạng loạn chuẩn khi đánh giá các hiện tượng đời sống và nhìn nhận con người, hướng tới việc xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip…; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Nội dung:** Hs dựa vào phần tri thức Ngữ văn và trải nghiệm đọc hiểu các văn bản để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy nhắc lại đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs. | + Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi; không lí tưởng hóa hiện thực.  + Nhân vật là “con người nếm trải”, không bất biến, có quá trình phát triển nhiều khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí.  + Có kết cấu nhiều tầng lớp, tuyến tình hoặc phi tuyến tính; có sự đan xen của nhiều bè ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.  + Có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố tri thức về tiểu thuyết.

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản tiểu thuyết.

- Hs biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học qua văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành đọc.

- HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đọc chính trong bài 1.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Tổ chức thực hiện: 25**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV giao nhiệm vụ: Hs tìm hiểu về thể loại, xuất xứ, tác giả, nội dung tiểu thuyết và đoạn trích  - Đọc văn bản sgk  **-** Thảo luận nhóm theo bàn: theo câu hỏi hướng dẫn đọc bài  **B2. Thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc nhóm  **B3. Báo cáo thảo luận.** GV gọi đại diện nhóm báo cáo  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức  *\* Giao nhiệm vụ HT*:  Câu 1: Em hãy chỉ ra những trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ.  Câu 2: Những nghịch lí cuộc sống được nhìn nhận như thế nào qua con mắt một nạn nhân vụ đắm tàu?  Câu 3: Chỉ ra nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả tiểu thuyết nhằm khái quát chân lí muôn đời từ những trải nghiệm riêng của nhân vật.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs. | **I/ Đọc và tìm hiểu chung**  - Thể loại  - Xuất xứ  - Tác giả  - Nội dung tiểu thuyết và đoạn trích  **II/ Đọc hiểu văn bản** |
| Câu 1: Trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ.  - Thầy nhiều kiểu trời:  + Trời có đám mây trắng.  + Trời tịnh không một gợn mây.  + Trời mỏng dính và u ám.  + Trời là trận mưa đen ngòm.  + Trời là trận nước đổ xuống, là trận đại hồng thủy…  - Thấy nhiều loại biển:  + Biển gầm thét như một con hổ.  + Biển thì thầm vào tai ta như người bạn rủ rỉ tâm tình.  + Biển kêu lanh canh như một đồng xu lẻ trong túi quần.  + Biển sấm sét như những trận đất lở.  + Biển rít lên như giấy nháp cọ trên mặt gỗ.  + Biển kêu như người nôn mửa.  + Biển lặng ngắt như chết.  - Cảm nhận thấy giữa trời và biển là gió.  - Thấy được đêm và trăng.  Câu 2: Những nghịch lí cuộc sống được nhìn qua con mắt một nạn nhân vụ đắm tàu.  - Là một kẻ đắm tàu tức là thường trực tại tâm điểm của một vòng tròn. Cho dù mọi vật có vẻ như biến động vô cùng… Cái hình học kia không bao giờ thay đổi.  → Khi đắm tàu, khi nạn nhân đang tiến gần hơn với cửa tử thì góc nhìn cũng như suy nghĩ sẽ chỉ dừng lại ở một khía cạnh nhất định, dù mọi vật có biến động ra sao, có đang thay đổi theo hướng tích cực hay tiêu cực thì con người sẽ chỉ nhìn thấy rằng, mình đang bước vào cửa tử.  - Cái nhìn ngây dại của ta luôn luôn là đường bán kính mà thôi. Cái vòng tròn đó mãi lớn lao. Mà thực tế là, cái vòng tròn còn nhân bản lên nữa.  → Đây có thể là một cách miêu tả cho sự ngây thơ, sự tin tưởng mù quáng mà chúng ta thường có đối với thế giới xung quanh, Đôi khi, những niềm tin và hy vọng của chúng ta có thể bị lạc quan, ngây thơ, và chúng ta không nhận ra rằng thế giới có thể đầy rẫy những mặt trái và nguy hiểm.  - Một kẻ đắm tàu là kẻ bị mắc cạn trong một màn múa ba lê kì bí của các vòng tròn. Ta là tâm điểm của một vòng tròn, trong khi trên đầu ta, hai vòng tròn còn nhân bản lên nữa.  → Khi đối mặt với cái chết, con người có thể hi vọng nhưng họ sẽ bị kéo về thực tại vì họ hiểu họ đã bị mắc kẹt và không thể nào thoát ra, họ dần chấp nhận với sự thực này.  - Là một kẻ đắm tàu là bị mắc kẹt giữa những đối nghịch lạnh lùng và mệt mỏi.  → Khi đối mặt với cái chết, con người sẽ bị mắc kẹt giữa sự lạnh lùng và cảm giác lúc ấy chỉ là sự mệt mỏi.  - Nhiều khi cuộc đời là một chuỗi những chuyển dịch như quả lắc đồng hồ từ cái này sang cái kia.  → Cuộc sống luôn luôn vận động và ta sẽ không biết chuyện gì có thể xảy ra.  - Cuộc sống trên một chiếc xuồng không thực sự là cuộc sống. Nó như một ván cờ đang lao vào kì chung cục, một ván cờ chỉ còn vài quân.  → Khi bạn gặp nguy hiểm và đứng giữa một cơ hội mong manh để sống, bạn sẽ chẳng còn cơ hội nào khác và chỉ biết nỗ lực để tìm ra con đường sống.  Câu 3: Nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả tiểu thuyết nhằm khái quát chân lí muôn đời từ những trải nghiệm riêng của nhân vật.  Những nét đặc sắc đó chính là:  - Tác giả tạo ra một tầm nhìn độc đáo thông qua nhân vật của mình đó là một nạn nhân đắm tàu. Cách nhìn của nhân vật về thế giới, về cuộc sống và về những giá trị cơ bản được trình bày một cách sâu sắc và tinh tế thông qua cái nhìn của nhân vật về sự vật xung quanh.  - Từ những trải nghiệm riêng của nhân vật, tác giả khám phá và khái quát các chân lí, giá trị, và bài học muôn đời mà mọi người có thể cảm nhận và học hỏi.  - Dùng những từ ngữ mang tính triết lí, giàu hình ảnh tượng trưng, so sánh để khái quát được những chân lí muôn đời. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS luyện tập, phân tích đánh giá đặc sắc về nghệ thuật đoạn trích

**b. Nội dung**: HS trình bày bài viết trên lớp/ ở nhà, thảo luận.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  VIết đoạn văn 200 chữ đánh giá nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích “Trên xuồng cứu nạn”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cá nhân theo nhiệm vụ.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề được giao.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng. | SP của học sinh |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đánh giá được tác phẩm

**b. Nội dung:** Rút ra thông điệp, tìm được các tác phẩm cùng chủ đề, thực hiện các bước đọc hiểu.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1. GV giao nhiệm vụ trên lớp/ hoặc về nhà.  Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3 – 4. GV chấm điểm sp của học sinh, có phản hồi, nhận xét. | SP của học sinh:   * Đúng thời gian / bài ở nhà có thể nộp: sau 1 tuần * Đúng yêu cầu của đề bài |

**4. Củng cố:** HS xem lại toàn bộ nội dung bài học

**5. HDVN**

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có kỹ năng khi tiếp cận các tác phẩm truyện ngắn hiện đại ngoài chương trình.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 2 - Những thế giới thơ

+ Xem và ghi chép những kiến thức quan trọng trong phần Tri thức ngữ văn

+ Xem trước các phiếu bài tập được giao và trả lời câu hỏi trong SGK

**BÀI 2: NHỮNG THẾ GIỚI THƠ**

*Thời gian thực hiện: 11 tiết*

(Đọc: 07 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ…

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.

**2. Về năng lực:**

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.

- Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.

- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

- Biết trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

**3. Về phẩm chất:**

- Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết 12,13 - VĂN BẢN 1: CẢM HOÀI (Nỗi lòng)**

* *Đặng Dung-*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** HS nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.

**2. Về năng lực:** HS hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ; qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

**3. Về phẩm chất:** Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

**a. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHBD, Bài giảng Power Point.

- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/Ti vi, máy tính kết nối mạng.

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà.

**b. Chuẩn bị của học sinh**

SGK, sách Bài tập Ngữ văn 12, bài soạn theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**2. Học liệu:** tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

- GV chiếu video bài hát Tự nguyện – ca sĩ Hồ Quỳnh Hương

- GV gợi dẫn câu hỏi: Chia sẻ lí tưởng sống cao đẹp của thế hệ trẻ hiện nay và của bản thân em?

- HS lắng nghe và suy nghĩ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu video bài hát Tự nguyện – ca sĩ Hồ Quỳnh Hương  <https://www.youtube.com/watch?v=mY9Mnkj6B8M>  - GV gợi dẫn câu hỏi: Chia sẻ lí tưởng sống cao đẹp của thế hệ trẻ hiện nay và của bản thân em?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh theo dõi và chia sẻ  **B3. Báo cáo thảo luận:** Chia sẻ của học sinh  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. | GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS  => Dẫn dắt vào bài học |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:**

- HS hiểu được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ…..

- Hs hiểu được được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn.

1. **Nội dung:**

- HS đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa.

- Học sinh thực hành cá nhân – thảo luận nhóm để tìm hiểu phần tri thức ngữ văn

1. **Sản phẩm:** Phiếu học tập ghi nhận tri thức ngữ văn
2. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv tổ chức HĐN(5p)**  **Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy:**  Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về biểu tượng và yếu tố siêu thực trong thơ hiện đại? Lấy ví dụ cụ thể?  Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về phong cách cổ điển và lãng mạn. Lấy ví dụ cụ thể?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận (2p) và trình bày (3p)  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ, thảo luận  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **1. Biểu tượng**  – Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư, triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống.  - Ví dụ:  + Hoa hồng – tình yêu ; chim bồ câu – hòa bình ; cây tùng – người quân tử….  + thuyền và biển – người con trai và người con gái (trong ca dao – Thuyền về có nhớ bến chăng….. ; trong thơ Xuân Quỳnh – Chỉ có thuyền mới hiểu….Thuyền đi đâu về đâu)….  **2. Yếu tố siêu thực trong thơ**  – Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện: hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu, được viết theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức, từ đó, xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế.  - Ví dụ:thơ Hàn Mặc Tử  **3. Phong cách thơ**  **a. Phong cách cổ điển**  – Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của quan niệm về thế giới có tính đặc thù.  – Đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ;...  \* Ví dụ:  - Thơ Huy Cận, Thâm Tâm,…. mang đậm phong vị Đường thi  - Thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.  **b. Phong cách lãng mạn**  – Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong tương quan so sánh với phong cách hiện thực. Đây là hai phong cách nghệ thuật đã từng xuất hiện trong sáng tác văn học từ thời cổ đại. – Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với sự xuất hiện của chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học – nghệ thuật hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.– Tuỳ theo cảm hứng, thái độ của người cầm bút, chủ nghĩa lãng mạn được chia thành hai khuynh hướng: khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ) và khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng).  – Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.  Ví dụ: Phong trào thơ Mới  + KH bi quan: Chế Lan Viên - Xuân, Những sợ tơ lòng…  + KH lạc quan: thơ Xuân Diệu – Vội Vàng |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: “CẢM HOÀI” (ĐẶNG DUNG)**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm và đọc văn bản “Cảm hoài”.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Đặng Dung và văn bản “Cảm hoài”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến Đặng Dung và văn bản “Cảm hoài”.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:** GV gọi HS đọc thành tiếng bản phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ.  **2. Tác giả**  *Tìm hiểu những thông tin về tác giả Đặng Dung?*  **3. Tác phẩm**  *+ Trình bày xuất xứ của bài thơ “Cảm hoài”?*  *+ Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Đề tài của tác phẩm là gì? Dấu hiệu nào để em xác định dấu hiệu của thể loại bài thơ?*  *+ Xác định nhân vật trữ tình?*  *+ So sánh bản phiên âm và bản dịch thơ?*  ***Phiếu học tập 1***   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu** | **Trả lời** | | Xuất xứ |  | | Đề tài |  | | Thể loại |  | | Bố cục |  | | So sánh với bản dịch thơ |  | | Nhân vật trữ tình |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân và điền thông tin vào phiếu học tập  - Nhóm nào hoàn thành sớm sẽ được trình bày và lấy điểm.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời các nhóm HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:** Đặng Dung (? – 1414)  - Quê: Huyện Thiên Lộc (nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).  - Ông sống dưới triều nhà Hồ, lập nhiều chiến công lớn, trong đó có trận thắng Bô Cô hiển hách.  + Năm 1414 khi thua trận, ông bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc. Ông đã tuẫn tiết trên đường đi.  **2. Văn bản**  **- Xuất xứ:**  **+ “**Cảm hoài” là tác phẩm duy nhất còn lại của Đặng Dung.  + Được đời sau ca tụng là “phi hào kiệt chi sĩ bất năng”(Không phải kẻ sĩ hào kiệt thì không làm nổi) (Lý Tử Tấn).  **- Đề tài**: chí khí của người anh hùng trước vận nước.  **- Thể thơ:** Thất ngôn bát cú Đường luật  **- So sánh bản phiên âm và dịch thơ**  **+**Ở câu 1 từ “du du” bản dịch thơ dịch là “ngổn ngang” là sát. “Du du” nghĩa là kéo dài mãi không dứt, không cùng: “ngổn ngang” gợi sự bề bộn, làm cho khó tháo gỡ hoặc giải quyết.  **+**Ở câu 2, cụm từ “nhập hàm ca” dịch là “cuộc say ca”, chưa thể hiện được điều không thích nhưng vẫn phải làm với mong muốn giải tỏa tâm trạng nhưng tâm trạng vẫn ngổn ngang.  **+**Ở câu 8, “gươm Long Tuyền” chưa được dịch hết ý. “Kì độ Long Tuyền đới nguyệt ma” không chỉ cho thấy vẻ đẹp lung linh tráng lệcủa hình ảnh người anh hùng mài gươm dưới trăng mà còn thấy được thanh gươm đang mài là gươm báu.  **- Nhân vật trữ tình:** người tráng sĩ lỡ thời, thất thế |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng các tri thức ngữ văn để tìm hiểu theo đúng đặc trưng của thơ trên các phương diện như:

+ Hoàn cảnh và tình thế bi kịch của nhân vật trữ tình.

+ Tình cảm cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài.

+ Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng)

**b. Nội dung:**

- Sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản “Cảm hoài”*.*

- HS làm việc cá nhân và kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ thông qua Phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản “Cảm hoài” qua Phiếu học tập 2,3,4*.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu bốn câu đầu**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phân công nhóm 1thảo luận và hoàn thành ***Phiếu học tập 2***  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS chú ý thẻ chỉ dẫn và cước chú để thực hiện nhiệm vụ:  - Hình ảnh nào trong bốn câu thơ đầu đã gợi ra được hoàn cảnh – tình thế của nhân vật trữ tình? Hoàn cảnh – tình thế đó có đặc điểm gì?  - Nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì khi đối diện với hoàn cảnh – tình thế đó?  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm 1 trình bày, nhóm 2,3 nhận xét và bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.  GV mở rộng: Những nghịch lý này không chỉ được khái quát từ những "bi kịch lịch sử"của người xưa mà còn là thực tế "đẩy máu và nước mắt" mà tác giả từng trải qua. Hai cha con Đặng Dung đểu là những tướng lĩnh tài năng, quả cảm, tràn đầy nhiệt huyết cứu nước nhưng chẳng những nghiệp lớn không thành mà còn phải gánh chịu oan khuất (Năm 1408, Đặng Tất đánh tan 10 vạn quân Minh, giết 2 tướng giặc ở trận Bô Cô, chỉ còn Mộc Thạnh chạy thoát, cơ hội giành lại đất nước đã ở trong tẩm tay. Vậy mà chỉ vì lời gièm pha của gian thần, Giản Định đã nghi kỵ, giết Đặng Tất. Khi theo giúp Trần Quý Khoáng, Đặng Dung cũng từng dùng kế mai phục đánh cho Trương Phụ đại bại, suýt bắt sống được hắn,...). Đó là nỗi đau của những người anh hùng vì lỡ vận mà nghiệp lớn không thành nên đành "nuốt hận".  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu bốn câu sau**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phân công nhóm 2 thảo luận và hoàn thành ***Phiếu học tập 3***  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Tìm hiểu hai câu luận: HS đọc kĩ các cước chú, kết nối với ngữ cảnh để giải thích ý nghĩa của các biểu tượng: *xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân.* HS nêu cảm nhận về nỗi lòng của nhân vật trữ tình.  **-** Tìm hiểu hai câu kết: Phân tích ý nghĩa của hình ảnh người tráng sĩ mài gươm (*Chỉ ra các yếu tố tương phản trong câu thơ "Thù nước chưa trả được, mà đầu đã bạc,". Miêu tả sự tương phản đ*ó*, nhà thơ muốn bày tỏ điều gì? Hình ảnh người tráng sĩ đầu đã bạc vẫn mài gươm dưới trăng thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, khát vọng nào của tác giả? Theo em, hình ảnh đó có ý nghĩa gì?*)  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm 2 trình bày, nhóm 1,3 nhận xét và bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu phong cách cổ điển trong bài thơ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phân công nhóm 3 thảo luận và hoàn thành ***Phiếu học tập 4***  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển trong bài thơ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm 3 trình bày, nhóm 1,2 nhận xét và bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Bốn câu đầu**  *Thế sự du du nại lão hà,*  *Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.*  *Thời lai đồ điếu thành công dị,*  *Vận khí anh hùng ẩm hận đa.*  (Thế sự ngổn ngang đã vội già  Đất trời bất tận cuộc say ca  Gặp thời đồ điếu công thành dễ  Lỡ vận anh hùng hận xót xa)  - Hoàn cảnh - tình thế bi kịch của nhân vật trữ tình:  + Thời gian: Quân Minh chiếm đóng Đại Việt (1407 – 1409).  + Không gian: Đất nước loạn lạc, thế sự đảo điên trong sự bất lực.  + Tình thế bi kịch của nhân vật trữ tình:  . Nghệ thuật đối lập:   |  |  | | --- | --- | | "việc đời dằng dặc" | "mà ta đã già" | | Sứ mệnh lớn lao, trách nhiệm nặng nề, những khó khăn, trở ngại chồng chất trong cuộc chiến chống giặc Minh, nghiệp lớn chưa thành,... | Sự hữu hạn của đời người; thời gian, sức lực đang dần cạn. |   . Hiện thực éo le, đầy nghịch lí: lúc gặp thời thì kẻ tầm thường cũng dễ dàng gặt hái thành công, khi thất thế thì người anh hùng đành ôm tủi hận.  - Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình khi đối diện với hoàn cảnh bi kịch:  + Cảm xúc, suy nghĩ:  Câu hỏi "biết làm thế nào"trước việc đời dằng dặc, ngổn ngang và hình ảnh "Trời đất không cùng, thu cả vào cuộc say ca"thể hiện niềm bi phẫn và cảm giác bất lực của nhân vật trữ tình.  + Cách giải quyết bi kịch: đắm mình trong cuộc rượu hát ca, hoà mình vào trời đất vô cùng.  - Quan hệ giữa con người và thời vận:  + Nghệ thuật đối lập:   |  |  | | --- | --- | | Gặp thời | Lỡ vận | | Kẻ làm đồ tể, đi câu cũng dễ dàng lập được công danh | Bậc anh hùng cũng phải nuốt hận nhiều |   + Thời vận là yếu tố quyết định.  -> Bi kịch sâu sắc, mang tính phổ quát nhân sinh trong chiêm nghiệm của vị tướng già.  => Bi kịch lỡ thời nhưng vẫn không thể nguôi quên nỗi đau mất nước và niềm khắc khoải về sứ mệnh cứu nước.  **2. Bốn câu sau**  *Trí chủ hữu hoài phù địa trục,*  *Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.*  *Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,*  *Kỉ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.*  (Phò chúa dốc lòng nâng trục đất,  Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà.  Quốc thù chưa trả đầu sao bạc,  Bao độ mài gươm ánh nguyệt tà.)  - Các biểu tượng kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ; gắn với bối cảnh đất nước và cuộc đời bi tráng của nhà thơ.  + “Trí chủ” (phò vua): báo đáp ơn vua.  + “Phù địa trục” (nâng trục đất): nâng đỡ giang sơn đang nghiêng đổ.  + “tẩy binh”(rửa binh): chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình.  + “kéo sông Ngân”: kéo sông Ngân xuống  - Nghệ thuật đối:  + Giúp chúa – đỡ trục đất -> xoay chuyển tình thế của dân tộc  + Rửa vũ khí, kéo sông Ngân xuống -> lập lại hòa bình cho dân tộc  -> Thể hiện khát vọng lớn lao, mãnh liệt của người anh hùng: đánh đuổi quân xâm lược, giành lại chủ quyển đất nước; chấm dứt chiến tranh, mang lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân. Những biểu tượng này còn ẩn chứa nỗi niềm xót xa, bi phẫn khi nghiệp lớn không thành.  - Vẻ đẹp bi tráng của kẻ sĩ hào kiệt:  + Yếu tố tương phản:  “Quốc thù chưa trả” >< “đầu sao bạc”  (Thù nước chưa trả được) (tóc đã sớm bạc)  -> chất chứa nỗi xót xa, cay đắng, phẫn uất của người anh hùng;  + Câu thơ kết tràn đầy nhiệt huyết cứu nước, tinh thần bất khuất và ý chí chiến đấu - bao phen mài gươm dưới trăng - không chấp nhận buông xuôi ngay cả khi biết rõ kết cục bi kịch đang chờ đợi mình.  => Hình tượng người tráng sĩ trong hai câu kết đã trở thành biểu tượng cho những người anh hùng thất bại mà vẫn hiên ngang, hào hùng.  **3. Biểu hiện của phong cách cổ điển trong bài thơ**   * Phong cách cổ điển được thể hiện ở các yếu tố nội dung: đề tài (nỗi lòng của người tráng sĩ ôm hoài bão lớn lao, cao cả); cảm hứng (khẳng định chí lớn - theo những hình mẫu lí tưởng: xoay trục đất/ rửa giáp binh và những giá trị vĩnh hằng, bất biến: khát vọng đền nợ nước - dẫu đầu đã bạc vẫn mài gươm dưới bóng trăng);... * Phong cách cổ điển được thể hiện ở các yếu tố nghệ thuật: thể thơ (Đường luật), bối cảnh không gian vũ trụ, hình ảnh thơ mang tính quy phạm (biểu *tượng xoay trục đất, rửa giáp binh;* điển tích: người hàng thịt, kẻ đi câu, gươm Long Tuyển,...); giọng điệu, âm hưởng bi hùng,... |

**2.3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại kiến thức trọng tâm bài học.

**b. Nội dung:** HSsuy nghĩ, tổng hợp kiến thức bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ cho hs: Sơ đồ hóa nội dung của bài cáo  Cả lớp thực hiện nhiệm vụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện, trình bày miệng bằng bảng phụ  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện HS trả lời, các HS khác nhận xét chéo và bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bài thơ giãi bày khát vọng lớn lao, mãnh liệt của người anh hùng trước hoàn cảnh và thời cuộc; đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng và ý chí quật cường của người tráng sĩ.  - Vẻ đẹp bi tráng của người anh hùng mang âm hưởng vang vọng của hào khí Đông - A.  **2. Nghệ thuật**  - Hình ảnh hùng tráng, kì vĩ, giàu sức gợi, nhiều điển cố tạo cho câu thơ độ súc tích, giàu dư âm, góp phần quan trọng thể hiện nỗi lòng của nhân vật trữ tình.  **-** Bài thơ mang đậm phong cách cổ điển. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Xuất xứ |  |
| Đề tài |  |
| Thể loại |  |
| Bố cục |  |
| So sánh với bản dịch thơ |  |
| Nhân vật trữ tình |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**(Tìm hiểu bốn câu đầu)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Biểu hiện (hình ảnh biểu tượng, biện pháp tu từ)** | **Ý nghĩa** |
| **Hoàn cảnh (thời gian, không gian)** | - Từ ngữ:  - Hình ảnh: |  |
| **Tình thế bi kịch của NVTT** | - Từ ngữ:  - Hình ảnh:  - Biện pháp nghệ thuật: |  |
| **Cảm xúc, suy nghĩ của NVTT** | - Biện pháp nghệ thuật:  - Điển cố, điển tích: |  |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**

**(Tìm hiểu bốn câu sau)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Biểu hiện (hình ảnh biểu tượng, biện pháp tu từ)** | **Ý nghĩa** |
| **Nỗi lòng của nhân vật trữ tình** | - Biểu tượng:  - Biện pháp nghệ thuật:  - Điển cố: |  |
| **Hình ảnh người tráng sĩ** | - Biểu tượng  - Yếu tố tương phản: |  |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 4**

**(Tìm hiểu về phong cách thơ cổ điển trong bài thơ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu tố** | **Biểu hiện** | **Vai trò** |
| **Về nội dung** | - Đề tài:  - Cảm hứng: |  |
| **Về nghệ thuật** | - Thể loại:  - Bối cảnh không gian:  - Hình ảnh thơ:  - Điển cố, điển tích: |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức bài học và rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn.

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

**b. Nội dung:** HS sử dụngtri thức Ngữ văn về biểu tượng; kiến thức bài học để phân tích một biểu tượng mà mình cho là đặc sắc trong bài thơ.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn do học sinh viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng bạn cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cá nhân: tìm và phân tích một biểu tượng đặc sắc.  - HS viết đoạn văn khoảng 150 chữ  **B3. Báo cáo nhiệm vụ**  Một số học sinh đọc bài viết của mình.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV hướng dẫn HS cách tự đánh giá bài viết của bạn và mình (Phiếu rubrics).  GV nhận xét. | Bài viết của học sinh: Đoạn văn khoảng 150 chữ.  Tham khảo gợi ý sau:  - Giới thiệu vị trí của biểu tượng trong bài thơ  - Giải thích ý nghĩa; phân tích giá trị của biểu tượng (tái hiện hình tượng con người, gợi bối cảnh lịch sử của đất nước, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình,...). Chẳng hạn, các biểu tượng *xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân* gắn liền với công cuộc phò tá hậu duệ nhà Trần, chiến đấu chống giặc Minh, giành lại đất nước mà Đặng Dung theo đuổi suốt đời; hoặc biểu tượng người tráng sĩ đẩu bạc bao phen mài gươm báu dưới trăng in dấu vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời tác giả.  - Khẳng định ý nghĩa và sức sống của biểu tượng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS liên hệ thực tế đời sống, qua đó xác định được lí tưởng cho bản thân.

**b. Nội dung:** HS thể hiện nhận thức về vấn đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*GV nêu nhiệm vụ*: Ở hai câu luận của bài thơ, chúng ta đã được tìm hiểu vai trò quan trọng của thời vận trong sự thành công của người anh hùng nói riêng, trong đời sống của mỗi con người nói chung. Vậy em sẽ làm gì khi đứng trước thời vận của chính mình. Theo em, thời vận có phải là tất cả? Nếu không phải là tất cả, khi còn là một học sinh, ngồi trên ghế nhà trường chúng ta phải làm gì?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận theo cặp

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV mời một số HS trả lời.

HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện lại vấn đề.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các cá nhân và định hướng.

**4. Củng cố:**

- Vẻ đẹp bi tráng của người anh hùng lỡ vận.

- Một số biểu tượng đặc sắc của văn bản

**5. HDVN:**

- Tìm đọc một số bài thơ đặc sắc viết về tình yêu Tổ quốc trong thơ văn Lí – Trần.

- Soạn bài: *Tây Tiến* (Quang Dũng) trang 44.